

Trong lịch sử Trung Quốc cổ đại, Mạnh Tử (371-289 TCN), tên thật là Mạnh Kha, tên chữ là Tử Dư, dòng dõi Mạnh Tồn Thị, thuộc dòng Vương tộc nước Lỗ, là một đại biểu xuất sắc của trường phái Nho gia. Toàn bộ di sản tư tưởng ông để lại cho đời sau, được tập trung trong bộ sách Mạnh Tử, gồm 7 thiên. Bộ sách này đã thể hiện rõ những quan điểm của ông về chính trị - xã hội, trong đó tư tưởng kinh tế là một điểm sáng. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ tập trung làm rõ tư tưởng dưỡng dân gắn liền tư tưởng kinh tế của Mạnh Tử và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng nhà nước VN hiện nay.

Thời Xuân thu - Chiến quốc, trong mấy trăm năm chiến tranh liên tiếp, dân chúng Trung Hoa chịu nhiều nỗi cực khổ. Trước thực trạng ấy, Mạnh Tử khẳng khái mạt sát kẻ cầm quyền và bênh vực dân đen. Lòng thương dân của ông được thể hiện ở những lời khuyên của ông đối với vua chúa thời bấy giờ, nhắc cho họ bốn phận dưỡng dân. Theo ông, sở dĩ dân chúng phạm nhiều tội ác là do nhà cầm quyền cai trị dở làm cho dân đói khổ. Nếu dùng chính sách khéo, chẳng hạn như khuyến khích nghề canh nông, bớt thuế... thì dân sẽ no đủ và cư xử có nhân. Ông viết: "Nếu bậc quốc trưởng làm cho việc ruộng nương được dễ dàng và bớt thuế má cho dân, thì dân trở nên phú túc... Bậc thánh nhân cai trị thiên hạ, khiến ai nấy đều có đủ đậu và lúa cũng như họ có đủ nước và lửa vậy. Nếu dân chúng có bề phú túc về đậu và lúa, cũng như họ đầy đủ về nước và lửa, thì họ còn ăn ở bất nhân làm chi?" [1]. Để dưỡng dân, một mặt ông yêu cầu nhà cầm quyền chỉ thu một thứ thuế và thu thuế của dân có chừng mực. Mặt khác, ông vạch ra chế độ điền địa với mục đích cứu dân, bảo đảm đời sống kinh tế cho dân.

Phép tĩn điền

Mạnh Tử đề cao cách thu thuế theo phép trợ của nhà Ân và phép triệt của nhà Chu, gọi chung là phép tĩn điền. Theo phép tĩn điền, ruộng được chia

Tư tưởng kinh tế của Mạnh Tử

Thạc sĩ BÙI XUÂN THANH

"Nếu họ có của cải bền vững như nhà, phố, ruộng, vườn thì họ có lòng dạ bền vững; nếu họ không có của cải bền vững thì họ chẳng giữ được lòng dạ bền vững. Nếu lòng dạ họ chẳng bền vững, thì họ trở nên buông lung, tà vạy, xa xỉ, chẳng có việc ác nào mà họ chẳng dám làm. Tới chừng họ vướng vào vòng tù tội, nhà cai trị cứ chiếu theo luật pháp mà hành hình họ. Đó là nhà cai trị bừa lười dân vậy". *Mạnh Tử*

làm chín khu, tám khu ngoài gọi là tư điền chia cho tám gia đình dân chúng, khu trung tâm gọi là công điền mà dân chúng làm cho chính phủ. Theo ông, thi hành chế độ điền địa ấy vừa thuận lợi cho việc thu thuế của chính phủ, vừa bảo đảm sự no ấm cho quốc dân. Đối với việc thu thuế, nhà cầm quyền phải linh hoạt, cụ thể, mềm dẻo, nghĩa là phải tính đến tình hình cụ thể như được mùa, mất mùa, để thu thuế cho hợp lý. Thu thuế mà không hợp lý sẽ làm cho dân oán hận. Nhắc lại lời "Long Tử - bậc hiền nhân trước", Mạnh Tử đề xuất quan điểm của mình về việc chia ruộng đất và thu thuế của mình như sau: "Về việc chia ruộng đất và thầu thuế, phép trợ là dễ chịu hơn hết, phép cống là độc hại hơn hết. Là vì theo phép cống, người ta tính số huê lợi được, thất trong nhiều năm, rồi lấy một số trung bình nhất định mà nhà làm ruộng phải nộp mỗi mùa. Như gặp năm được mùa thì lúa thóc dư dật; đầu chính phủ thầu nhiều cũng không mang tiếng độc ác; nhưng chính phủ chỉ thầu lấy số thuế trung bình thôi. Rồi đến năm thất mùa thì huê lợi chẳng đủ trả tiền phân bón ruộng; thế mà chính phủ vẫn cố ép dân nộp cho đủ số. Như vậy độc hại thay! Làm phụ mẫu dân lại để cho dân oán hận mà ngó lăm lét mình, để cho họ phải làm lụng cực khổ suốt năm mà chẳng đủ nuôi cha mẹ, rồi họ phải đi vay nặng lời mà đóng đủ số thuế, để cho người già, kẻ trẻ lẫn chết theo đường mương lỗ cống; như vậy làm phụ mẫu thương dân ở chỗ nào?" [1]. Theo đó, thu thuế hợp lý là một phần của phương pháp trị nước. Thu thuế là cần thiết nhưng vẫn phải tuân theo nguyên tắc "dân vi quý".

Chúng tôi không bàn tới tính khoa học của phép thu thuế mà Mạnh Tử đưa ra. Bởi lẽ đó là cách thu thuế ở Trung Quốc trước và trong thời đại của ông với nền sản xuất tiểu nông đã cách nay hơn hai ngàn năm. Tuy nhiên, điều đáng lưu ý ở đây là quan điểm về thuế và thu thuế hợp lý. Theo Mạnh Tử, thu thuế hợp lý là phải căn cứ vào tình hình sản xuất cụ thể của dân để vừa bảo đảm cho công quỹ của đất nước vừa bảo đảm được đời sống cho dân. Quan điểm này một mặt mang tính nhân bản, mặt khác, nó nhắc nhở nhà cầm quyền phải linh hoạt trong việc thu thuế nói riêng và trong việc đề ra các chính sách kinh tế nói chung.

Về mức độ thu thuế mà Mạnh Tử đề xuất là phải có chừng mực, nghĩa là không quá nhẹ cũng không quá nặng. Khi Bạch Khuê (người nước Châu) muốn lấy thuế của dân nhẹ (một phần trong hai mươi phần huê lợi của dân), Mạnh Tử phê phán: "Phép lấy thuế mà ông định thi hành đó, chẳng qua là phép của người rợ Mạch miền Bắc thôi (...)

Ở xứ của đoàn rợ mạch, năm giống lúa chẳng có sinh ra, duy thứ nếp thứ mọc lên mà thôi. Họ không có thành quách, cung thất, tông miếu và các cuộc lễ tế tự. Họ không có tặng lễ vật và thết tiệc đãi các vua chư hầu. Họ không có các ngạch quan chức lớn và chức nhỏ. Vì vậy cho nên tù trưởng ở vùng ấy chỉ lấy một phần trong hai chục phần huê lợi của dân, cũng đủ xài...

Chớ như hiện nay, chúng ta ở cõi Trung Quốc, mà bỏ việc nhân luân, không có ngạch quan chức trị dân, chúng ta sống như đoàn rợ Mạch thì có nên chăng?(...) Người nào muốn lấy thuế nhẹ hơn phép vua Nghiêu, vua Thuấn, người

ấy sẽ trở nên một kẻ tiểu Mạch sánh với đoàn rợ Mạch vậy. Còn kẻ nào muốn lấy thuế nặng hơn phép vua Nghiêu, vua Thuấn, kẻ ấy sẽ trở nên một kẻ tiểu Kiệt sánh với người đại Kiệt đã từng nổi danh bạo ngược vậy” [1].

Như vậy, ngay trong việc thu thuế, phương sách thu thuế mà Mạnh Tử đề xuất với nhà cầm quyền đã góp phần làm sáng tỏ đường lối nhân chính trong học thuyết chính trị - xã hội của ông. Có thể nói tư tưởng nhân chính của Mạnh Tử không chỉ dừng lại ở những lời kêu gọi nồng nhiệt. Nó đã được ông cụ thể hóa vào những chính sách kinh tế chi tiết nhằm phát triển nền kinh tế tiểu nông ở Trung Quốc đương thời.

Tư tưởng dưỡng dân

Theo Mạnh Tử, muốn làm cho đời sống của dân được sung túc, nền kinh tế đất nước phồn vinh, nhà cầm quyền phải thi hành những chính sách kinh tế như phân chia điền địa công bằng, thích hợp, sắp đặt ranh giới ruộng đất phân minh, khuyến khích dân phát triển sản xuất. Thông qua những chính sách kinh tế cụ thể đó, một mặt chúng ta nhận thấy một bức tranh toàn cảnh của nền kinh tế tiểu nông ở Trung Quốc thời Chiến quốc. Mặt khác, nó chứng tỏ Mạnh Tử là một nhà tư tưởng có khát vọng lớn lao về một chế độ xã hội lý tưởng mà nhân đức thấm sâu, lan tỏa trong mọi lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

Trong học thuyết chính trị - xã hội của Mạnh Tử, tư tưởng phát triển kinh tế gắn liền với tư tưởng dưỡng dân. Có thể nói, với Mạnh Tử phát triển kinh tế là nhằm dưỡng dân một cách tốt nhất; ngược lại, muốn dưỡng dân thì phải phát triển kinh tế. Chính vì thế Mạnh Tử khuyến cáo nhà cầm quyền: “Nếu họ có của cải bền vững như nhà, phố, ruộng, vườn thì họ có lòng dạ bền vững; nếu họ không có của cải bền vững thì họ chẳng giữ được lòng dạ bền vững. Nếu lòng dạ họ chẳng bền vững, thì họ trở nên buông lung, tà vạy, xa xỉ, chẳng có việc ác nào mà họ chẳng dám làm. Tới chừng họ vướng vào vòng tù tội, nhà cai trị cứ

chiếu theo luật pháp mà hành hình họ. Đó là nhà cai trị bủa lưới dân vậy” [1]. Như vậy, với tầm nhìn chiến lược cùng với tấm lòng nhân ái, Mạnh Tử đã xác định “công việc sinh nhai” của dân quy định sự sống còn của dân là một trong những điều kiện cốt yếu cho tinh thần đạo đức của dân phát huy. Ông hoàn toàn có lý với những lời khuyến cáo trên đây đối với nhà cầm quyền, bởi lẽ ý thức đạo đức cũng như bất kỳ hình thái nào của ý thức xã hội luôn luôn chịu sự chi phối của tồn tại xã hội trong đó có điều kiện sinh hoạt vật chất của nhân dân. Nếu dân đói khổ, đời sống vật chất không bảo đảm thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới việc giữ gìn lễ, nghĩa, liêm, si của họ.

Có thể nói, tư tưởng làm cho dân “hàng sản” là tư tưởng đặc sắc, đáng lưu ý của Mạnh Tử về trách nhiệm của nhà cầm quyền. “Hàng sản” là có nhà cửa, ruộng vườn, có cơm ăn, áo mặc, là điều kiện để “hàng tâm”. Theo ông: “Khi người ta đói lạnh, bất luận vật thực gì, hễ ăn vào thì thấy ngon. Như vậy, người ta chẳng nhận định được mùi vị chính đáng của món ăn vật uống. Là vì sự đói khát làm hại, làm sai lạc cuộc nhận định của người ta vậy. Há riêng có cái miệng và cái bao tử bị đói khát làm hại sao? Mà lòng dạ người ta cũng thường bị hại lây nữa” [1]. Chính vì vậy, nhà cầm quyền phải “chế định điền sản mà chia cho dân cây cấy”, phải bắt đầu từ những việc, cốt sao cho dân có cơm ăn, người già có áo mặc. Ông nói: “Nếu mỗi người nông phu được cấp cho năm mẫu đất để ở, bèn trồng dâu chung quanh nhà, thì người năm chục tuổi được lụa mà mặc. Nếu ai này chẳng làm hại sự sinh sản của thú vật như gà, heo, chó giống cái và giống đực, thì người bảy mươi tuổi có thịt mà ăn. Nếu chính phủ chẳng đoạt mất thì giờ cấy gặt của những gia đình làm ruộng trăm mẫu, thì trong nhà tám miệng ăn chẳng đến nỗi đói khổ” [1].

Để dân “hàng sản”, Mạnh Tử đề xuất những chính sách kinh tế chi tiết, cụ thể, như do đạc lại đất đai để vạch ra ranh giới ruộng đất cho phân minh, công bằng. Theo ông, muốn làm nhân

chính thì trước hết nhà cầm quyền phải sắp đặt ranh giới ruộng đất cho phân minh. Bởi lẽ: “Nếu ruộng đất mà chẳng có ranh giới dành dành thì chín khu trong mỗi tỉnh địa chẳng đồng đều với nhau, ắt số lúa thâu để phát lương cho quan chẳng được công bình. Vì vậy cho nên những vua hung bạo và những quan tham ô rất bỡ ngỡ trong việc sắp đặt ranh giới ruộng đất, như vậy dặng dể ép dân đóng góp cho nhiều. Nếu ruộng đất có ranh giới dành dành, thì sự chia điền địa cho dân và cách nạp số lúa làm bổng lộc cho quan sẽ được ổn định một cách dễ dàng lắm vậy.” [1]. Theo đó, sắp đặt ranh giới ruộng đất phân minh, công bằng là để thu thuế được công bằng và khắc phục tình trạng tham nhũng của quan lại. Thời Chiến quốc, khi Mạnh Tử đi du thuyết các nước chư hầu, đa số các nước này đã bỏ chính sách tỉnh điền của nhà Chu. Nước nào còn giữ lại chính sách đó thì cũng không còn đúng nguyên tắc buổi đầu nữa. Lúc bấy giờ người ta cho dân tự do khai thác thêm những khu đất mới để thu thuế được nhiều. Từ đó cho thấy, việc Mạnh Tử đề xuất chia ruộng đất công bằng chứng tỏ ông muốn xóa bỏ khoảng cách quá xa giữa người giàu và người nghèo trong xã hội.

Tuy nhiên, trong xã hội có giai cấp, sự tập trung tài sản trong tay một số người là điều không thể tránh khỏi, làm cho cái hố ngăn cách người giàu và người nghèo ngày càng tăng. Tới một lúc nào đó, cái hố ngăn cách ấy có thể gây nội loạn. Khi ấy nhà cầm quyền phải phân chia lại tài sản hoặc bằng bạo lực, hoặc ôn hòa. Với chủ trương nhân chính, chứng tỏ Mạnh Tử đã phản đối bạo lực và đề xuất với nhà cầm quyền phương án cải cách ôn hòa.

Để dưỡng dân, và để phát triển kinh tế, ngoài việc phân chia ranh giới ruộng đất, Mạnh Tử còn nhắc nhở nhà cầm quyền bốn phạm không được làm trái thời cấy gặt của dân, và phải có biện pháp ngăn chặn tình trạng dùng lưới quá nhỏ đánh bắt cá, cũng như tình trạng chặt phá rừng bừa bãi để bảo vệ nguồn lợi thiên nhiên. Theo ông: “Nếu vua chẳng làm trái nghịch thời tiết của kẻ làm

ruộng, dùng bắt họ làm trâu trong mùa cấy gặt, thì lúa thóc ăn chẳng hết. Nếu dùng để cho người ta bừa lưỡi nhát trong các bưng hồ, thì cá rùa ăn chẳng hết. Nếu dùng để cho lưỡi rìu cạnh búa đồn phá rừng núi lúc sái mùa, thì cây cối dùng chẳng hết. Lúa thóc và cá rùa dư ăn, cây cối dư xài, dân nhờ đó mà nuôi dưỡng người sống, mai táng kẻ chết, họ chẳng còn sầu oán nữa” [1].

Như vậy, chính sách kinh tế của nhà cầm quyền phải được xây dựng trên cơ sở là đời sống kinh tế và thực tiễn sản xuất của dân. Những chính sách ấy phải khuyến khích được sức sản xuất của dân; hướng dân tới lợi ích lâu dài, bền vững. Tư tưởng này của Mạnh Tử một lần nữa cho thấy ông là nhà tư tưởng có tầm lòng nhân ái, và có tầm nhìn chiến lược. Có thể nói, tư tưởng con người phải biết nuôi dưỡng thiên nhiên (để thiên nhiên nuôi dưỡng lại con người) mà ông đưa ra là tư tưởng đi trước thời đại. Tư tưởng ấy vẫn còn nguyên giá trị trong thời đại ngày nay – thời đại mà con người đã và đang phải trả giá cho sự tàn phá thiên nhiên của mình.

Tư tưởng kinh tế trên đây của Mạnh Tử đã chỉ rõ một trong những nguyên nhân cơ bản đưa đến tình trạng mất ổn định xã hội là do nhà nước không bảo đảm được đời sống kinh tế cho dân. Luận điểm “có hằng sản mới có hằng tâm” là một trong những luận điểm khá tiến bộ và có tính chất duy vật của Mạnh Tử mà chúng ta có thể kể thừa. Theo luận điểm này ông chỉ ra rằng khi đời sống kinh tế của dân bị thiếu hụt thì lập trường, tư tưởng của dân sẽ bị lung lay, lòng tin của dân vào chế độ sẽ bị giảm sút. Từ đó ông đòi hỏi nhà nước phải sáng suốt trong việc đưa ra các chính sách kinh tế và các chính sách xã hội. Các chính sách kinh tế phải phát huy được sức sản xuất của dân, góp phần hạn chế sự tham nhũng từ phía quan lại, hướng dân tới lợi ích lâu dài, bền vững. Các chính sách xã hội phải thể hiện tinh thần thương yêu dân của nhà cầm quyền.

Ý nghĩa đối với VN

PHÁT TRIỂN KINH TẾ Tháng Bảy 2007

Đối với nhà nước ta hiện nay, việc quán triệt những luận điểm trên đây vẫn hết sức cần thiết. Hàng loạt vụ khiếu kiện tập thể của nhân dân ở Thái Bình đối với cán bộ (chủ yếu là cán bộ cấp xã) không chỉ phản ánh tệ tham nhũng và mất dân chủ xảy ra phổ biến ở cán bộ các cấp, mà còn mang lại cho chúng ta bài học về việc dưỡng dân và huy động sức dân phải gắn chặt với nhau, không tách rời nhau. Một trong những nguyên nhân của những việc xảy ra ở Thái Bình là do cán bộ lãnh đạo địa phương chỉ quan tâm tới huy động sức dân mà không quan tâm tới dưỡng dân. “Lãnh đạo địa phương do tư tưởng nôn nóng, chạy theo thành tích đã đề ra những chủ trương huy động sức dân quá cao so với khả năng của dân. Nhiều nơi người dân phải đóng góp trên dưới 20 khoản. Nhiều khoản thu của nông dân cao hơn mức quy định tới 176,3 tỷ đồng trong khoảng thời gian từ 1.1.1994 tới 31.7.1997. Chính quyền địa phương còn tùy tiện đề ra những hình phạt dân về kinh tế quá khắc nghiệt. Vì vậy mà về đời sống của dân tuy có được cải thiện đáng kể nhưng vẫn hết sức nghèo túng. Qua tính toán, một hộ thuần nông 5-6 khẩu thu chưa được 3-4 triệu đồng/năm, bình quân mỗi người 1 năm trong khoảng dưới 1 triệu đồng” [2].

Để dưỡng dân một cách tốt nhất, các chính sách kinh tế của Nhà nước cần phát huy được sức sản xuất của dân. Do đó nhà nước cần phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của mình là bảo vệ, hỗ trợ sự vận hành của kinh tế thị trường, phát triển kinh tế đất nước thông qua việc thực thi chính sách và pháp luật, giảm bớt sự can thiệp trực tiếp không cần thiết vào sự vận hành của nền kinh tế. Dưỡng dân là làm cho dân có hằng sản, nên khi nhân dân gặp khó khăn về kinh tế thì sự hỗ trợ của nhà nước bằng lương thực, thực phẩm mặc dù rất cần thiết nhưng chỉ được coi là những giải pháp tạm thời. Để cuộc sống của nhân dân ổn định lâu dài nhà nước phải biết dưỡng dân bằng các chính sách kinh tế có hiệu quả. Đó mới thực sự là lo cho dân của một nhà nước “vì dân”.

Tham nhũng và lãng phí tài sản của dân đã là những căn bệnh của nhà nước trong thời đại Mạnh Tử. Những căn bệnh này tạo nên sự bất bình trong dân, làm suy yếu bộ máy cầm quyền nên Mạnh Tử yêu cầu nhà nước phải xóa bỏ tình trạng tham nhũng, sử dụng tiết kiệm tài sản của dân bằng cách rèn luyện đạo đức quan lại và phân chia ruộng đất công bằng, hợp lý.

Để chống tham nhũng, lãng phí có hiệu quả chúng ta không thể chỉ dừng lại ở những lời kêu gọi tự giáo dục, tự rèn luyện đạo đức của đội ngũ cán bộ, công chức, mà phải đưa ra một hệ thống các giải pháp từ giáo dục nhận thức, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy chế, quy định cho đến việc xây dựng một hệ thống giám sát của nhân dân đối với cán bộ, công chức nhà nước. Tư tưởng “phân chia ruộng đất công bằng, hợp lý” nhằm chống tham nhũng của Mạnh Tử gợi mở cho chúng ta suy nghĩ về một trong những giải pháp chống tham nhũng phải bắt đầu từ chính các chính sách kinh tế cũng như các chính sách xã hội của nhà nước. Các chính sách của nhà nước phải mang tính khoa học, chặt chẽ, giảm thiểu sơ hở để những phần tử cơ hội không thể lợi dụng, bòn rút tiền của của nhân dân (chẳng hạn như những chính sách về thuế). Nguyên tắc “công bằng trong thu thuế và phân chia ruộng đất” mà Mạnh Tử đề xuất với nhà cầm quyền còn gợi ý cho chúng ta về một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng mà nhà nước không thể không thực hiện là phải bảo đảm công bằng xã hội trong lĩnh vực sản xuất, tạo ra những điều kiện, cơ hội bình đẳng để nhân dân tiến hành quá trình sản xuất, kinh doanh làm giàu cho mình và cho đất nước. Việt Nam đang xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường, do đó, nhà nước ta cần phải bảo đảm sự công bằng trong việc tạo điều kiện và môi trường cho sự phát triển của các thành phần kinh tế, bảo đảm cho các thành phần kinh tế hoạt động trong môi trường bình đẳng trước pháp luật ■

Chú thích

[1] Mạnh Tử - Quyển hạ (Đoàn Trung Còn dịch), Nxb. Trí Đức Tổng Thư, Sài Gòn, 1950, trang 235.

[2] Tạp chí Dân vận, số 4 (1998), trang 13.